TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22-7-2026
V/v: Tranh chấp về nuôi con của nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không ĐKKH.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lực
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Chiên; Ông Đào Anh Thắng.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Ông Hờ A Thái - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Ngọc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 22/7/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2026/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2026, về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản P, xã N, tỉnh Lai Châu, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* Anh Tao Văn X, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản P, xã N, tỉnh Lai Châu, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2026, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

Chị Lò Thị N và anh Tao Văn X về chung sống với nhau từ năm 2002, anh chị chung sống trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống chị và anh X sống hạnh phúc được khoảng đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do không hợp tính cách, quan điểm sống. Đến năm 2025 thì không còn chung sống với nhau nữa. Chị N và anh X có 03 con chung, thời gian chung sống đã lâu nhưng đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn và không mong muốn đăng ký kết hôn với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh X.

Về con chung: Chị và anh Tao Văn X có 03 con chung gồm cháu Tao Văn T, sinh ngày 06/7/2003, cháu Tao Văn T1, sinh ngày 25/11/2006, cháu Tao Thị Lan D, sinh ngày 28/12/2010. Hiện nay cháu Tao Văn T1 và cháu Tao Văn T đã thành niên, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị N có nguyện vọng đề nghị giao cháu Tao Thị Lan D cho anh X là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không cấp dưỡng nuôi con chung cháu Tao Thị Lan D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N xin miễn án phí do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

* Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Tao Văn X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Lò Thị N đúng như chị N đã trình bày. Anh xác nhận năm 2002 anh và chị N về chung sống với nhau, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn và chung sống khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, hay khắc khẩu, vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Xét thấy đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn và không mong muốn đăng ký kết hôn với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N.

Về con chung: Anh xác nhận chị N trình bày về phần con chung là đúng. Hiện nay cháu Tao Văn T1 và cháu Tao Văn T đã thành niên, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Xanh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tao Thị Lan D đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung, chị N cũng nhất trí với ý kiến của anh.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Tao Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại công văn số 1253/UBND-VP ngày 18/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu thể hiện: Anh Tao Văn X và chị Lò Thị N không đăng ký kết hôn và sống chung như vợ chồng. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và hiện nay không còn chung sống với nhau. Việc giao con chung cháu Tao Thị Lan D cho anh X nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu D là phù hợp để cháu phát triển về mọi mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chi Lò Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N và anh Tao Văn X.

- Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Cháu Tao Văn T, sinh ngày 06/7/2003, cháu Tao Văn T1, sinh ngày 25/11/2006 đã thành niên, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét; Giao cháu Tao Thị Lan D, sinh ngày 28/12/2010 cho anh X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Xanh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lò Thị N và anh Tao Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

- Về án phí: Do chị Lò Thị N là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Tao Văn X cư trú tại bản P, xã N, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu.

Tại phiên tòa, chị Lò Thị N và anh Tao Văn X đều có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lò Thị N và anh Tao Văn X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Tao Văn X về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã N xác nhận anh X và chị N sống cùng nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Lò Thị N và anh Tao

Văn X là hôn nhân không hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn đến năm 2025 hai anh chị không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng với anh X và anh X nhất trí. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh X là quan hệ hôn nhân không hợp pháp nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị N và anh Tao Văn X theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

- Đối với cháu Tao Văn T, sinh ngày 06/7/2003, cháu Tao Văn T1, sinh ngày 25/11/2006 đã thành niên, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với cháu Tao Thị Lan D, sinh ngày 28/12/2010, anh X và chị N đều có nguyện vọng giao cháu D cho anh X là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu Tao Thị Lan D cũng có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn cháu được ở với bố. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Tao Thị Lan D cho anh Tao Văn X nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh X không yêu cầu chị N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do nguyên đơn chị Lò Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chị N có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N và anh Tao Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Tao Thị Lan D, sinh ngày 28/12/2010 cho anh X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Lò Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tao Văn X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lò Thị N.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lực

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**